

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Về bảo hiểm hưu trí bổ sung

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về bảo hiểm hưu trí bổ sung.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 127 Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Nghị định này không điều chỉnh các nội dung sau:

a) Bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

b) Hoạt động cung cấp sản phẩm bảo hiểm hưu trí của doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn.

c) Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động, người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

3. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan tới việc thiết lập, hoạt động, quản lý, đầu tư, giám sát quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến bảo hiểm hưu trí bổ sung.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung là chương trình do doanh nghiệp quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và người sử dụng lao động xây dựng để triển khai chính sách bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội và quy định tại Nghị định này.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung là doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Nghị định này, thực hiện quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và nhận ủy thác đầu tư tài sản của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, sau đây được gọi tắt là doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

3. Tài khoản hưu trí cá nhân là tài khoản được cấp cho người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung, được quản lý theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

4. Tổ chức lưu ký tài sản quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung là tổ chức được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí lựa chọn để thực hiện lưu ký tài sản quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

5. Ngân hàng giám sát là tổ chức được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí lựa chọn để thực hiện giám sát hoạt động quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

6. Tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân là tổ chức được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí lựa chọn để thực hiện cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Chương II

THAM GIA BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG, THIẾT LẬP, QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG

Mục 1

THAM GIA BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG

Điều 4. Đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung

Đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung là người sử dụng lao động và người lao động đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội.

Điều 5. Phương thức tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Các đối tượng quy định tại Điều 4 Nghị định này được tự nguyện tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung do các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí triển khai thông qua người sử dụng lao động.

a) Việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung không phải là điều kiện bắt buộc để tuyển dụng, ký kết, gia hạn hợp đồng lao động; người sử dụng lao động không được phân biệt đối xử, cản trở quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động thông qua việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung. Người sử dụng lao động không được gán việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung với chính sách khen thưởng, đánh giá thi đua và phúc lợi của doanh nghiệp đối với người lao động.

b) Mức đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung do người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện.

2. Căn cứ vào yêu cầu quản lý lao động và khả năng tài chính, người sử dụng lao động xây dựng văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung và thực hiện đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung cho người lao động của doanh nghiệp mình theo văn bản thỏa thuận.

3. Điều kiện để người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được hưởng phần đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư từ khoản đóng góp phải được nêu cụ thể tại văn bản thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động. Trường hợp người sử dụng lao động có điều kiện về thời gian làm việc tối thiểu đối với người lao động thì không quá 05 năm.

4. Người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được hưởng phần đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư từ khoản đóng góp này khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này hoặc khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị tử vong.

b) Đang mắc một trong những bệnh ung thư, bại liệt, xơ gan mất bù, lao nặng, AIDS.

c) Có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng.

d) Người lao động là công dân nước ngoài không tiếp tục cư trú tại Việt Nam hoặc có giấy phép lao động, chứng chỉ hành nghề, giấy phép hành nghề hết hiệu lực mà không được gia hạn.

Điều 6. Quy trình tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Người sử dụng lao động xây dựng văn bản thỏa thuận và thông báo, lấy ý kiến người lao động. Sau khi thống nhất, người sử dụng lao động ký văn bản thỏa thuận về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung với từng người lao động hoặc ký với Chủ tịch Công đoàn sau khi lấy ý kiến tập thể người lao động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực. Nội dung cơ bản của văn bản thỏa thuận thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Người sử dụng lao động ký hợp đồng tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí. Căn cứ danh sách người lao động tham gia chương trình, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí mở tài khoản hưu trí cá nhân cho người lao động.

3. Căn cứ vào chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký và văn bản thỏa thuận với người lao động, người sử dụng lao động đóng phần đóng góp của người sử dụng lao động (nếu có) và phần người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ (nếu có) vào quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và thông báo cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí về số tiền đóng cho từng người lao động theo quy định.

4. Khoản tiền đóng góp vào mỗi tài khoản hưu trí cá nhân của người tham gia quỹ quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:

a) Khoản tiền đóng góp của người sử dụng lao động cho người lao động (nếu có).

b) Khoản tiền đóng góp của người lao động (nếu có).

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của người sử dụng lao động khi tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung có các quyền sau:

a) Được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung của người sử dụng lao động cho người lao động theo mức quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Thỏa thuận với người lao động để điều chỉnh văn bản thỏa thuận về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung ký giữa người sử dụng lao động và người lao động. Quy trình điều chỉnh các nội dung của văn bản thỏa thuận phải được quy định tại văn bản thỏa thuận về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

c) Được cung cấp đầy đủ tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 27 Nghị định này. Hằng tháng được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí cung cấp thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung; được yêu cầu doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xác nhận thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

d) Nhận hoàn trả từ doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí đối với phần đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư từ phần đóng góp này sau khi trừ đi các chi phí liên quan khi người lao động không đáp ứng các điều kiện được hưởng tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động.

đ) Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật.

2. Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung có trách nhiệm sau:

a) Đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung phần trách nhiệm đóng góp của mình theo đúng quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

b) Đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung phần người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ theo quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

c) Đảm bảo tách biệt phần đóng góp của người sử dụng lao động và phần người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ.

d) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động khi tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung đăng ký tham gia.

đ) Cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến người sử dụng lao động, người lao động, các thông tin để xác định thời gian tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và các thông tin khác cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của người lao động khi tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung có các quyền sau:

a) Tự nguyện tham gia, dừng hoặc tạm dừng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo văn bản thỏa thuận giữa doanh nghiệp sử dụng lao động và người lao động và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

- b) Nhận chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Nghị định này.
- c) Được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập được chi trả từ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; được trừ khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo mức quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.
- d) Theo dõi và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo văn bản thỏa thuận giữa doanh nghiệp sử dụng lao động và người lao động, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.
- đ) Được cung cấp đầy đủ tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 27 Nghị định này. Hằng tháng được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc doanh nghiệp sử dụng lao động cung cấp thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung; được yêu cầu doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xác nhận thông tin về tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.
- e) Được bảo mật thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.
- g) Được duy trì hợp đồng bảo hiểm hưu trí bổ sung trong thời gian tối đa không quá 01 năm hoặc lựa chọn chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang quỹ hưu trí khác sau khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc khi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Nghị định này.
- h) Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật.
- i) Được chỉ định người thừa kế theo thứ tự quy định của Bộ luật Dân sự tại văn bản thỏa thuận hoặc trong phiếu đăng ký tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung để hưởng chi trả từ quỹ hưu trí.

2. Người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung có trách nhiệm:

- a) Tiếp cận đầy đủ tài liệu giới thiệu về quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí; hiểu rõ về chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và các rủi ro có thể phát sinh khi tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung; nắm rõ chính sách thuế đối với người sử dụng lao động và người lao động; tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định tham gia của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung. Nhà nước không đảm bảo về kết quả đầu tư và mức chi trả của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.
- b) Thực hiện các nghĩa vụ theo văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung đăng ký tham gia.

c) Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2

THIẾT LẬP QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG

Điều 9. Thiết lập chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí được thiết lập chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

2. Căn cứ vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và nhu cầu của các đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xây dựng và ban hành chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Danh sách các quỹ, mục tiêu, chính sách đầu tư của các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung trong chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

b) Phương thức tham gia và cách thức đóng của đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

c) Quyền lợi và nghĩa vụ của đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

d) Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và của mỗi tài khoản hưu trí cá nhân.

đ) Nguyên tắc hạch toán kết quả đầu tư, chi phí hoạt động bảo hiểm hưu trí bổ sung theo từng tài khoản hưu trí cá nhân.

e) Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.

g) Chế độ công bố thông tin, báo cáo.

h) Quy trình sửa đổi, bổ sung chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

i) Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan: tổ chức lưu ký tài sản của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có); quyền và nghĩa vụ của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan; quy trình lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan; các trường hợp bắt buộc phải thay đổi tổ chức cung cấp dịch vụ (khi tổ chức cung cấp dịch vụ không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ; vi phạm hợp đồng đã ký kết hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước phát hiện vi phạm quy định của pháp luật,...).

k) Nguyên tắc chuyển đổi giữa các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, giải thể quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

3. Căn cứ vào chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, nhu cầu của người tham gia quỹ và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí quyết định việc triển khai các quỹ hưu trí trong chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

a) Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung triển khai thông qua nhiều quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung thì từng quỹ phải được quản lý, theo dõi, hạch toán tách biệt.

b) Các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung có thể có mức đóng, mục tiêu, chính sách đầu tư khác nhau để đáp ứng nhu cầu của đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

4. Đối với mỗi quỹ được thành lập, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải:

a) Xây dựng và ban hành Điều lệ quỹ hưu trí. Điều lệ quỹ hưu trí do doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí quyết định trên cơ sở đảm bảo các nội dung cơ bản quy định tại Điều 11 Nghị định này và phải được gửi cho người tham gia quỹ theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

b) Lựa chọn và ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Các tổ chức cung cấp dịch vụ gồm tổ chức lưu ký tài sản, ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có) khi cung cấp dịch vụ liên quan đến bảo hiểm hưu trí bổ sung phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ do doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định này.

b) Trường hợp không còn đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ quy định tại điểm a khoản này, trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ, tổ chức cung cấp dịch vụ phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và Bộ Tài chính.

c) Khi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thay đổi tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung của tổ chức cung cấp dịch vụ chấm dứt tại thời điểm đã hoàn tất việc bàn giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ thay thế. Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung phải công khai thông tin về doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mới, đồng thời gửi Bộ Tài chính biên bản bàn giao giữa hai tổ chức cung cấp dịch vụ có xác nhận của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

d) Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển đổi tư cách pháp nhân, tổ chức mới có trách nhiệm kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cũ.

đ) Các tổ chức cung cấp dịch vụ phải tuân thủ quy định Nghị định này, quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, hợp đồng đã ký kết với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi dịch vụ cung cấp.

e) Trường hợp tổ chức lưu ký tài sản, ngân hàng giám sát và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân là cùng một pháp nhân thì khi thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức lưu ký tài sản, hoạt động giám sát và hoạt động quản trị tài khoản cho quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, tổ chức cung cấp dịch vụ phải tách biệt về tổ chức nhân sự, về hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử với các bộ phận kinh doanh khác.

g) Tổ chức lưu ký tài sản, ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân liên đới chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung đối với các thiệt hại phát sinh do tổ chức lưu ký tài sản, ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân không thực hiện đầy đủ, kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, xác định giá trị của tài khoản hưu trí cá nhân và các hoạt động khác đối với quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và các điều khoản của hợp đồng ký kết. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ phải bồi thường thiệt hại cho đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan, tổ chức cung cấp dịch vụ phải phối hợp với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thực hiện thủ tục thanh toán kịp thời, đầy đủ cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo yêu cầu bằng văn bản của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

h) Tổ chức lưu ký tài sản, ngân hàng giám sát không phải là người có liên quan của doanh nghiệp quản lý quỹ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

6. Thông tin về chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (tên, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật, số điện thoại liên hệ) phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí để cung cấp cho đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

Điều 10. Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung là quỹ tài chính để thực hiện chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung; được hạch toán, kế toán, lập báo cáo tài chính, kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, sau đây gọi là quỹ hưu trí. Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo dõi, quản lý và hạch toán độc lập, tách bạch với tài sản của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

2. Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung được hình thành từ đóng góp của người sử dụng lao động, người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung và tiền sinh lời của hoạt động đầu tư của quỹ.

3. Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung được sử dụng để chi trả chế độ bảo hiểm hưu trí bổ sung cho người lao động, chi trả chi phí quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Điều 11. Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải ban hành Điều lệ để thiết lập và vận hành quỹ hưu trí bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Tên quỹ hưu trí.
- b) Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.
- c) Tổ chức lưu ký.
- d) Ngân hàng giám sát.
- đ) Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan khác (nếu có).
- e) Mục tiêu, chính sách đầu tư của quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 19 Nghị định này và quy trình, thủ tục thay đổi chính sách đầu tư (nếu có).
- g) Quyền và nghĩa vụ của người lao động tham gia quỹ, người sử dụng lao động, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có).
- h) Điều khoản về việc chuyển đổi giữa các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung được quản lý bởi cùng một doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.
- i) Điều khoản về thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.
- k) Lựa chọn và thay đổi tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có).
- l) Nguyên tắc hạch toán kết quả đầu tư, chi phí hoạt động của quỹ hưu trí theo từng tài khoản hưu trí cá nhân.
- m) Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí và của mỗi tài khoản hưu trí cá nhân.
- n) Quy chế giải quyết tranh chấp.
- o) Các trường hợp đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ.

p) Chế độ thông tin báo cáo.

q) Giải thể quỹ hưu trí.

r) Cam kết của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có) về việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều lệ quỹ.

s) Thể thức tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ hưu trí.

2. Điều lệ quỹ hưu trí phải được trình bày rõ ràng, dễ hiểu, được công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, đồng thời gửi cho doanh nghiệp sử dụng lao động và người lao động tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

Điều 12. Tổ chức lưu ký tài sản

1. Tổ chức lưu ký tài sản quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

b) Có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các nghĩa vụ của tổ chức lưu ký tài sản quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của tổ chức lưu ký tài sản phải tiếp nhận tự động, theo dõi, hạch toán các giao dịch liên quan đến tài sản trên tài khoản của quỹ hưu trí. Hệ thống này phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Ghi nhận toàn bộ, đầy đủ, chính xác, kịp thời tài sản của quỹ hưu trí và các thay đổi liên quan đến tài sản của quỹ.

b) Ghi nhận toàn bộ các khoản thu, chi, hạch toán cổ tức, lãi trái phiếu, lãi vốn và các khoản thu nhập.

c) Ghi nhận đầy đủ chứng khoán đầu tư trong các giao dịch mua lại, phát hành thêm hoặc chuyển đổi.

3. Tổ chức lưu ký tài sản được nhận phí cung cấp dịch vụ theo hợp đồng đã ký kết với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí. Tổ chức lưu ký tài sản có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và hợp đồng đã ký kết nhưng phải đảm bảo những nghĩa vụ cơ bản sau:

a) Thực hiện lưu ký tài sản quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo hợp đồng đã ký kết.

b) Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời hoạt động thu, chi, thanh toán, chuyển giao tiền, chứng khoán theo yêu cầu bằng văn bản được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phê duyệt. Giao dịch về chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản cho từng đối tác giao dịch, từng tài khoản của quỹ hưu trí đều phải thực hiện đúng. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.

c) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ hưu trí.

d) Đảm bảo quản lý tách biệt tài sản của quỹ hưu trí theo từng quỹ và quản lý tách biệt với tài sản của tổ chức lưu ký tài sản. Các giao dịch cho quỹ hưu trí trên tài khoản của tổ chức lưu ký tài sản, kể cả các hoạt động nhận tiền, thanh toán giao dịch, nhận cổ tức, lãi trái phiếu và các khoản thu nhập khác phải được xác định, ghi nhận thuộc về quỹ hưu trí.

đ) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có) để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định này và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

e) Tổ chức lưu ký tài sản chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho quỹ hưu trí trong trường hợp làm thất thoát tài sản của quỹ hưu trí đã lưu ký tại tổ chức lưu ký tài sản theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, kể cả trong trường hợp do lỗi hoặc hành vi lừa đảo của nhân viên của tổ chức lưu ký, hoặc do sự không cẩn trọng của tổ chức lưu ký tài sản. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và hợp đồng đã ký kết.

4. Tài sản của quỹ hưu trí được lưu ký tại tổ chức lưu ký là tài sản thuộc sở hữu của đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung. Tổ chức lưu ký tài sản không được sử dụng tài sản của quỹ hưu trí để thanh toán, bảo lãnh thanh toán cho các khoản nợ của mình hoặc cho bên thứ ba.

5. Tổ chức lưu ký tài sản phải tách biệt về nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng giữa bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký tài sản quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung với các bộ phận thực hiện chức năng giám sát, quản trị, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân (nếu có).

Điều 13. Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam được phép thực hiện nghiệp vụ ngân hàng giám sát theo quy định của pháp luật chứng khoán.

b) Có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các nghĩa vụ của ngân hàng giám sát quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Ngân hàng giám sát có các quyền theo quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và hợp đồng đã ký kết nhưng phải đảm bảo các quyền cơ bản sau:

a) Được nhận phí cung cấp dịch vụ theo hợp đồng đã ký kết.

b) Yêu cầu các tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký tài sản quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, kế toán quỹ, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân cung cấp thông tin và tài liệu để ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ giám sát theo quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Yêu cầu doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có) cung cấp các tài liệu, chứng từ chứng minh về việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định này, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và các hợp đồng đã ký kết.

3. Ngân hàng giám sát có các nghĩa vụ theo quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và hợp đồng đã ký kết và phải đảm bảo những nghĩa vụ cơ bản sau:

a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định tại Nghị định này, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và các hợp đồng đã ký kết.

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, các giao dịch của quỹ hưu trí và tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Nghị định này và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

c) Kiểm tra, giám sát việc tính toán xác định giá tài sản ròng của quỹ hưu trí, việc tính toán, xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân phù hợp quy định của pháp luật và quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

d) Định kỳ 06 tháng rà soát quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của từng quỹ hưu trí, rà soát quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư, xác định giá trị của từng tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định của pháp luật, quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và Điều lệ quỹ hưu trí.

đ) Lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với hoạt động quản lý quỹ hưu trí.

e) Định kỳ hằng năm, ngân hàng giám sát báo cáo Bộ Tài chính về tài sản của quỹ hưu trí, kết quả giám sát quỹ hưu trí, đánh giá về quản trị rủi ro, đánh giá việc tuân thủ quy định về quản lý, đầu tư quỹ hưu trí.

g) Trường hợp phát hiện vi phạm quy định của pháp luật hoặc chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, Bộ Tài chính trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi phát hiện vi phạm, đồng thời yêu cầu thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả trong thời hạn quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

4. Khi thực hiện xác định giá trị tài sản ròng của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, ngân hàng giám sát phải tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử khách hàng giữa bộ phận thực hiện xác định giá trị tài sản ròng với bộ phận thực hiện chức năng giám sát và các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng phải có nhân viên có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kiểm toán hoặc kế toán hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants) hoặc bằng đại học trở lên chuyên ngành kế toán, kiểm toán.

Điều 14. Tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân ký hợp đồng với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hoạt động cung cấp dịch vụ theo hợp đồng và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung do doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí ban hành.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân phải là một trong các tổ chức sau:

a) Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

b) Doanh nghiệp được phép hoạt động một trong các lĩnh vực ngân hàng, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, kế toán hoặc kiểm toán.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân được nhận phí cung cấp dịch vụ theo hợp đồng, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và hợp đồng, trong đó phải đảm bảo những nghĩa vụ cơ bản sau:

a) Thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo hợp đồng đã ký.

b) Ghi nhận đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động, hạch toán kết quả đầu tư sau khi trừ đi chi phí quản lý và chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung theo từng tài khoản hưu trí cá nhân.

c) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có) để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định này và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân phải tách biệt về nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng giữa bộ phận thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân với các bộ phận thực hiện chức năng lưu ký tài sản, giám sát, quản trị, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí (nếu có).

Mục 3

QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG

Điều 15. Hợp đồng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xây dựng một mẫu hợp đồng khung về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung để ký với người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

2. Mẫu hợp đồng khung tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Tên, mục tiêu và chính sách đầu tư của các chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung; tên các chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung mà người sử dụng lao động lựa chọn tham gia.

b) Quyền và trách nhiệm của đối tượng tham gia bao gồm người lao động và người sử dụng lao động, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan và doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

c) Quy trình đăng ký thay đổi mức đóng góp và thay đổi chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

d) Quy trình, thủ tục đóng góp (lần đầu, định kỳ, bổ sung) của đối tượng tham gia.

đ) Quy trình đăng ký chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân.

e) Điều khoản về bảo mật thông tin tài khoản hưu trí cá nhân.

g) Nguyên tắc hạch toán kết quả đầu tư và chi phí quản lý theo từng tài khoản hưu trí cá nhân.

Điều 16. Tài khoản hưu trí cá nhân

1. Mỗi cá nhân có thể có một hoặc nhiều tài khoản hưu trí cá nhân tại một thời điểm được quản lý bởi các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

2. Tài khoản hưu trí cá nhân được sử dụng để:

a) Ghi nhận khoản đóng góp của đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

b) Hạch toán kết quả đầu tư sau khi trừ đi chi phí quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung và phân bổ cho từng tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

c) Thanh toán các nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định.

d) Chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Nghị định này.

3. Quyền sở hữu tài khoản hưu trí cá nhân:

a) Người tham gia quỹ được sở hữu khoản đóng góp của mình và kết quả đầu tư sau khi trừ đi chi phí hoạt động của quỹ hưu trí đã phân bổ cho từng tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Điều lệ quỹ hưu trí.

b) Người lao động tham gia quỹ được sở hữu khoản đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư sau khi trừ đi các chi phí liên quan nếu đáp ứng được các điều kiện tại văn bản thỏa thuận giữa người lao động hoặc tập thể người lao động được đại diện bởi Chủ tịch Công đoàn và người sử dụng lao động về việc tham gia quỹ hưu trí.

4. Số dư tài khoản hưu trí cá nhân không được sử dụng để:

a) Chuyển nhượng.

b) Cầm cố.

c) Giải quyết thủ tục phá sản của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký.

5. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hạch toán thu chi toàn bộ hoạt động của từng tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm đóng góp, phân bổ kết quả đầu tư, phân bổ chi phí quản lý và chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung. Định kỳ hằng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân và doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí cung cấp thông tin cho đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí về giá trị tài khoản hưu trí cá nhân theo yêu cầu.

6. Khi người sử dụng lao động đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung cho người lao động thì phần đóng góp này được theo dõi riêng tại tài khoản hưu trí cá nhân của người lao động. Sau khi người lao động đáp ứng được các điều kiện tại văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung thì phần đóng góp của người sử dụng lao động (bao gồm kết quả đầu tư và chi phí liên quan đã phân bổ) trở thành phần đóng góp của người lao động. Trường hợp người lao động không đáp ứng điều kiện tại văn bản thỏa thuận thì người sử dụng lao động có thể nhận lại phần đóng góp của mình (bao gồm kết quả đầu tư, chi phí liên quan đã phân bổ và nghĩa vụ thuế đã hoàn thành) theo quy định tại văn bản thỏa thuận và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

7. Quy trình chuyển tài khoản hưu trí cá nhân giữa các chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung thuộc cùng 01 doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc giữa các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí được thực hiện theo phương thức tất toán tài khoản hưu trí thành tiền và chuyển toàn bộ khoản tiền này sang chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung mới. Việc chuyển tài khoản hưu trí cá nhân giữa các chương trình không được coi là chi trả từ quỹ hưu trí.

8. Việc duy trì hợp đồng bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 8 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động với người sử dụng lao động hoặc đến tuổi nghỉ hưu, tài khoản hưu trí cá nhân được chuyển sang tài khoản chuyên tiếp để xác định quyền lợi hưởng giữa người lao động và người sử dụng lao động (nếu có) căn cứ hợp đồng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung và văn bản thỏa thuận giữa người lao động hoặc tập thể người lao động và người sử dụng lao động.

b) Sau khi hoàn tất xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân, việc chuyển từ tài khoản chuyên tiếp sang tài khoản hưu trí của người lao động thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều này. Người lao động được tiếp tục tự đóng góp và hưởng quyền lợi từ tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại hợp đồng tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung trong thời gian tối đa không quá 01 năm. Sau thời gian này, trường hợp người lao động không tiếp tục tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí thì được nhận chi trả từ quỹ và không áp dụng phí chi trả đột xuất theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

c) Trường hợp người lao động có nhu cầu tiếp tục tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí thông qua người sử dụng lao động mới, việc mở tài khoản hưu trí cá nhân mới được thực hiện theo quy trình tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung quy định tại Điều 6 Nghị định này; việc chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang tài khoản mới thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 17. Đại lý bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Đại lý bảo hiểm hưu trí bổ sung là tổ chức được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí ủy quyền thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Giới thiệu về quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung; cung cấp các tài liệu về quỹ hưu trí bổ sung.

b) Ký hợp đồng tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung với người tham gia quỹ và người sử dụng lao động.

2. Đại lý bảo hiểm hưu trí bổ sung là doanh nghiệp được phép hoạt động một trong các lĩnh vực sau: ngân hàng, đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Ngân hàng thương mại khi thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm hưu trí bổ sung phải tuân thủ quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng.

3. Đại lý bảo hiểm hưu trí bổ sung có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác, trung thực theo tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí quy định tại Điều 27 Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định này. Đại lý bảo hiểm hưu trí bổ sung không được giới thiệu, cố tình gây nhầm lẫn bảo hiểm hưu trí bổ sung với chế độ hưu trí của Nhà nước hoặc gây nhầm lẫn với sản phẩm bảo hiểm theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

Điều 18. Chi phí quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Chi phí quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung được chi từ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và được phân bổ cho từng tài khoản hưu trí cá nhân thuộc quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung bao gồm:

a) Chi phí quản lý tài khoản hưu trí cá nhân.

b) Chi phí lưu ký, giám sát, kế toán, kiểm toán.

c) Chi phí quản trị quỹ.

d) Chi phí chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ hưu trí tại cùng một doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác.

đ) Các loại chi phí khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và hợp đồng tham gia quỹ hưu trí.

2. Nguyên tắc xác định các chi phí nêu tại khoản 1 Điều này phải được quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng tham gia quỹ hưu trí và tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí.

Điều 19. Đầu tư quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải quy định cụ thể chính sách đầu tư (bao gồm cơ cấu và tiêu chuẩn các tài sản đầu tư) tại Điều lệ quỹ theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Các tài sản đầu tư của quỹ hưu trí phải đảm bảo các tiêu chí cơ bản quy định tại Phụ lục IV Nghị định này.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí quyết định việc đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều lệ quỹ, chính sách đầu tư của quỹ tuân thủ các quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

3. Danh mục đầu tư của quỹ hưu trí bao gồm:

a) Công cụ nợ của Chính phủ, bao gồm: Trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc Nhà nước, công trái xây dựng Tổ quốc.

b) Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

c) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại phù hợp với chính sách đầu tư của quỹ tại Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, trừ các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt.

d) Trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng thương mại phù hợp với chính sách đầu tư của quỹ tại Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, trừ các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt.

đ) Cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán theo điều kiện quy định về chính sách đầu tư của quỹ tại Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

4. Cơ cấu đầu tư của quỹ hưu trí phải đảm bảo:

a) Giá trị đầu tư vào trái phiếu Chính phủ (bao gồm cả khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) tối thiểu bằng 40% tổng giá trị tài sản ròng của quỹ đối với quỹ có giá trị tài sản ròng từ 05 tỷ đồng trở lên.

b) Giá trị đầu tư vào chứng khoán niêm yết (không bao gồm các khoản đầu tư quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này) không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ.

c) Giá trị đầu tư vào chứng khoán của cùng một tổ chức phát hành (ngoại trừ các khoản đầu tư quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều này và các khoản đầu tư thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) không vượt quá 5% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành và không vượt quá 10% tổng tài sản của quỹ.

d) Giá trị đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm c, d, đ khoản 3 Điều này phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ.

đ) Giá trị đầu tư vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đầu tư chứng khoán không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ. Trường hợp đầu tư vào chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán của các quỹ do doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí quản lý, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí chỉ được thu phí quản lý quỹ một lần.

5. Trong thời gian tối đa 03 tháng và thuộc một trong các trường hợp sau đây cơ cấu đầu tư của quỹ hưu trí được phép sai lệch so với các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 4 Điều này kể từ ngày phát sinh sai lệch:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.

- b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật.
- c) Các tổ chức phát hành chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.
- d) Quỹ mới bắt đầu thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng.
- đ) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- e) Các tài sản đang đầu tư của quỹ không còn đáp ứng các tiêu chí đầu tư theo quy định tại Nghị định này, Điều lệ quỹ và chính sách đầu tư của quỹ.

6. Quỹ hưu trí không được gửi tiền tại doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc người có liên quan với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định về người có liên quan tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Kế toán quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải thực hiện chế độ hạch toán kế toán quỹ hưu trí bao gồm:

- a) Hạch toán toàn bộ hoạt động thu, chi của quỹ hưu trí tách bạch với tài sản của doanh nghiệp quản lý quỹ.
- b) Xây dựng và cập nhật quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí.
- c) Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí.
- d) Lập báo cáo tài chính quỹ.

2. Quỹ hưu trí áp dụng chế độ kế toán đối với quỹ mở theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật kế toán.

3. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với người tham gia quỹ về tính chính xác của việc hạch toán, kế toán quỹ hưu trí quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có thể tự thực hiện hạch toán kế toán hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán để thực hiện kế toán quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Nguồn thu của quỹ hưu trí bao gồm:

- a) Các khoản đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động tham gia quỹ.
- b) Tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư quỹ.

c) Tiền thu từ phí chi trả đột xuất của người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

6. Chi phí hoạt động của quỹ hưu trí bao gồm các khoản chi phí cơ bản sau:

a) Chi phí quản lý tài sản trả cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

b) Chi phí lưu ký tài sản quỹ hưu trí trả cho tổ chức lưu ký.

c) Chi phí giám sát quỹ hưu trí trả cho ngân hàng giám sát.

d) Chi phí dịch vụ kế toán, kiểm toán, chi phí chi trả cho tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân (nếu có) và các dịch vụ thuê ngoài khác (nếu có).

đ) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho người tham gia quỹ; chi phí công bố thông tin của quỹ hưu trí.

e) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

Điều 21. Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm:

a) Hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn bộ hoạt động thu, chi của tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm đóng góp, phân bổ kết quả đầu tư, chi phí hoạt động quỹ hưu trí, chi trả hưu trí.

b) Xây dựng và cập nhật quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư và chi phí hoạt động quỹ hưu trí, xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân.

c) Xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hằng tháng.

d) Lập và gửi người tham gia quỹ báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải chịu trách nhiệm đối với người tham gia quỹ về tính chính xác của hoạt động cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có thể ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Điều 14 Nghị định này để thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Định kỳ hằng tháng, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và giá trị tài khoản hưu trí cá nhân. Trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí sử dụng tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện xác định giá trị tài sản ròng, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải chịu trách nhiệm về kết quả xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài khoản hưu trí cá nhân của tổ chức cung cấp dịch vụ.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải xây dựng quy chế xác định giá trị tài sản ròng và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân để làm căn cứ thực hiện. Quy chế phải bao gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và giá trị tài khoản hưu trí cá nhân.

b) Quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá đối với từng loại tài sản đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

c) Nguyên tắc xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân để tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân tính toán, xác định giá trị tài sản ròng và cung cấp cho người tham gia quỹ định kỳ.

d) Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định này.

3. Quy chế xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân phải được nêu tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định này. Quy chế phải được công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân, đồng thời gửi cho ngân hàng giám sát để kiểm tra, giám sát theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định này.

4. Việc xác định giá trị thị trường các tài sản của quỹ hưu trí thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Chứng khoán về xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

5. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận giá trị tài sản ròng của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và giá trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định này. Trường hợp phát hiện định giá sai giá trị tài sản ròng hoặc giá trị tài khoản hưu trí cá nhân, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu điều chỉnh trong thời hạn 24 giờ.

6. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

Điều 23. Đền bù thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được đền bù thiệt hại trong các trường hợp sau:

a) Quỹ hưu trí bị đầu tư không đúng với quy định tại Nghị định này hoặc chính sách đầu tư quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và Điều lệ quỹ.

b) Quỹ hưu trí bị xác định sai giá trị tài sản ròng; phân bổ kết quả đầu tư và xác định sai giá trị tài khoản hưu trí cá nhân. Mức độ sai sót phải đền bù thiệt hại được quy định tại quy chế xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này nhưng không thấp hơn 0,75% giá trị tài sản ròng của quỹ.

c) Phát sinh lỗi hệ thống, lỗi kỹ thuật, lỗi nghiệp vụ của các tổ chức cung cấp dịch vụ dẫn đến sai lệch giá trị tài khoản hưu trí cá nhân cao hơn mức độ sai sót phải đền bù thiệt hại quy định tại điểm b khoản này, các tổ chức cung cấp dịch vụ phát sinh lỗi có trách nhiệm chủ động phát hiện, thông báo và bồi thường đầy đủ cho người tham gia trong trường hợp phát sinh thiệt hại.

2. Mức đền bù cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

3. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký tài sản, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có) có liên quan trong việc đầu tư quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, xác định giá trị tài sản ròng, phân bổ kết quả đầu tư và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân cùng chịu trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung khi xảy ra các thiệt hại do sai sót của từng tổ chức này. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký tài sản quỹ hưu trí, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan theo quy định của Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Việc bồi thường thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung phải được doanh nghiệp quản lý quỹ thuyết minh cụ thể tại báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

Mục 4

CHI TRẢ TỪ QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG

Điều 24. Nguyên tắc chi trả từ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Số tiền chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung:

a) Số tiền chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung từ quỹ hưu trí phụ thuộc vào giá trị tài khoản hưu trí cá nhân tại thời điểm nhận chi trả, quy định về chi trả tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và quy định tại văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

b) Nhà nước không đảm bảo về số tiền chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung. Trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khi tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung bị xâm phạm hoặc có tranh chấp phát sinh thì việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp hoặc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua thương lượng, hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được lựa chọn nhận chi trả hằng tháng hoặc nhận chi trả một lần hoặc kết hợp giữa nhận chi trả một lần và nhận hàng tháng.

3. Ngoại trừ các trường hợp nhận chi trả bất khả kháng quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này và chi trả khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 16 Nghị định này, trường hợp người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung nhận chi trả trước khi đến tuổi về hưu thì quỹ hưu trí được thu phí chi trả đột xuất, tối đa bằng 5% giá trị nhận chi trả. Phí chi trả đột xuất được bổ sung vào nguồn thu của quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định này và phân bổ vào tài khoản hưu trí cá nhân của từng người tham gia quỹ.

4. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có trách nhiệm quy định cụ thể hồ sơ, tài liệu xác nhận người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung thuộc các trường hợp nhận chi trả bất khả kháng quy định tại điểm b, c, và d khoản 4 Điều 5 Nghị định này tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và Điều lệ quỹ trên cơ sở các tài liệu sau:

a) Quyết định về việc hưởng bảo hiểm xã hội một lần do cơ quan bảo hiểm xã hội ban hành; hoặc

b) Các văn bản giám định sức khỏe, bệnh án, chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động là công dân nước ngoài theo quy định đối với hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 25. Chi trả cho người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Căn cứ hợp đồng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung, văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí yêu cầu tổ chức lưu ký tài sản của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả cho người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có trách nhiệm thực hiện chi trả đầy đủ, đúng hạn cho người tham gia quỹ theo chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và Điều lệ quỹ hưu trí.

2. Người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung có thể ủy quyền cho người khác nhận chi trả. Người thừa kế hợp pháp của người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được thừa hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ trong trường hợp nhận thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự.

3. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thực hiện tất toán và chuyển đổi thành tiền toàn bộ giá trị tài khoản hưu trí cá nhân của người lao động tham gia và thông báo số tiền cho người thừa kế của người lao động để người thừa kế làm văn bản xác nhận thừa kế và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 26. Hoàn trả cho người sử dụng lao động

1. Trong trường hợp người lao động dừng tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và không đáp ứng điều kiện quy định tại văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung, người sử dụng lao động được nhận hoàn trả từ tài khoản hưu trí cá nhân của người lao động đối với phần đóng góp của người sử dụng lao động, bao gồm kết quả đầu tư sau khi trừ đi chi phí liên quan đã phân bổ.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí yêu cầu tổ chức lưu ký tài sản của quỹ hưu trí hoàn trả cho người sử dụng lao động theo quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và văn bản thỏa thuận. Doanh nghiệp sử dụng lao động có trách nhiệm kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

**Mục 5
CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO
VỀ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG****Điều 27. Tài liệu giới thiệu về quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung**

1. Trước khi ký hợp đồng tham gia quỹ hưu trí, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải cung cấp tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí cho các đối tượng tham gia quỹ hưu trí quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Tài liệu giới thiệu về chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và các quỹ hưu trí phải bao gồm những nội dung sau:

a) Điều lệ quỹ theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

b) Cảnh báo về các rủi ro với nội dung dễ hiểu, nổi bật (in đậm, tách riêng), trong đó nêu rõ: Bảo hiểm hưu trí bổ sung không phải là chế độ hưu trí của Nhà nước, không phải là sản phẩm bảo hiểm theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm; người tham gia quỹ hưu trí trên cơ sở tự nguyện và chấp nhận rủi ro trong đầu tư theo mục tiêu và chính sách đầu tư quy định tại Điều lệ quỹ; chế độ chi trả phụ thuộc vào giá trị đóng góp tích lũy và kết quả đầu tư quỹ hưu trí sau khi trừ đi các chi phí liên quan phân bổ cho từng tài khoản hưu trí; bảo hiểm hưu trí bổ sung là sản phẩm theo cơ chế thị trường, không được Nhà nước bảo lãnh lợi nhuận và số tiền chi trả; người tham gia có thể bị giảm giá trị tài khoản hưu trí cá nhân khi thị trường biến động; người tham gia cần nắm rõ chính sách thuế đối với người sử dụng lao động và người lao động khi tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

c) Thuyết minh rõ các quyền và trách nhiệm của người tham gia quỹ.

d) Các chi phí liên quan phân bổ cho từng tài khoản hưu trí của người tham gia quỹ.

đ) Kết quả đầu tư của quỹ trong 03 năm liền kề trước đó (nếu có).

e) Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí phải chính xác, khách quan, đầy đủ, trung thực, phù hợp với chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và được trình bày rõ ràng, dễ hiểu.

Điều 28. Báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân

1. Hằng tháng, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải lập báo cáo về tài sản của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và giá trị tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm những nội dung sau:

a) Số tiền đóng góp vào tài khoản hưu trí cá nhân trong tháng và lũy kế đến thời điểm lập báo cáo.

b) Số tiền rút ra, chuyển đổi tài khoản và lũy kế đến thời điểm lập báo cáo.

c) Giá trị tích lũy của tài khoản hưu trí cá nhân tại thời điểm đầu kỳ báo cáo và tại thời điểm lập báo cáo sau khi đã phân bổ kết quả đầu tư và trừ đi chi phí có liên quan.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc tháng, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải gửi báo cáo về số dư tài khoản hưu trí cá nhân cho người tham gia quỹ.

Điều 29. Thông báo về triển khai chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và công bố, cung cấp tài liệu, thông tin cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải thông báo cho Bộ Tài chính về việc thành lập các quỹ hưu trí trong vòng 10 ngày kể từ ngày thành lập quỹ; hồ sơ thông báo gồm các tài liệu sau:

- a) Văn bản thông báo về việc thành lập quỹ hưu trí.
- b) Điều lệ các quỹ hưu trí.

2. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi về Điều lệ quỹ hưu trí hoặc các quy trình, quy chế quản lý quỹ hưu trí, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải thông báo cho Bộ Tài chính bằng văn bản về các thay đổi và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Điều lệ quỹ hoặc các quy trình, quy chế quản lý quỹ hưu trí.

3. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí duy trì và cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp về thông tin cơ bản của mỗi quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo từng chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đang tổ chức, quản lý, cụ thể:

- a) Thông tin về chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này, trong đó bao gồm các tài liệu về: Điều lệ quỹ hưu trí, các hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định này và các nội dung cập nhật, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, hợp đồng ký kết với các tổ chức cung cấp dịch vụ. Cảnh báo rủi ro theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

- b) Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- c) Báo cáo hoạt động quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung bán niên và cả năm, trong đó bao gồm thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, tỷ suất lợi nhuận sau khi trừ đi các chi phí. Các khoản chi phí quy định tại Điều 18 Nghị định này được liệt kê riêng, công bố theo tỷ lệ %/năm trên giá trị tài sản ròng.

- d) Tổng hợp kết quả đầu tư hằng năm trong 05 năm liền kề trước đó (nếu có) của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

4. Người tham gia quỹ được quyền truy cập thông tin về tài khoản hưu trí cá nhân tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Điều 30. Chế độ báo cáo của doanh nghiệp quản lý quỹ về bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Định kỳ hằng quý và hằng năm, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kết quả hoạt động của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, cụ thể như sau:

a) Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất 03 tháng sau khi kết thúc kỳ báo cáo.

b) Kỳ báo cáo: Đối với báo cáo quý là từ ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của quý đến ngày cuối của tháng cuối của quý; đối với báo cáo năm là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

c) Phương thức gửi và nơi nhận báo cáo: văn bản giấy và văn bản điện tử gửi đến Bộ Tài chính.

2. Nội dung báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Báo cáo tài chính năm của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập.

b) Báo cáo hoạt động quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hằng năm.

c) Báo cáo về tài sản của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hằng quý, hằng năm.

d) Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hằng quý, hằng năm.

đ) Báo cáo quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ hằng quý, hằng năm.

e) Báo cáo tình hình tham gia và chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung hằng quý, hằng năm.

3. Mẫu biểu báo cáo theo quy định tại điểm b, c, d, và đ khoản 2 Điều này thực hiện theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

4. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có trách nhiệm báo cáo đột xuất trong các trường hợp sau:

a) Báo cáo trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tổ chức lưu ký tài sản quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc ngân hàng giám sát quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

b) Báo cáo trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh thay đổi về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ hưu trí, hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí với các tổ chức cung cấp dịch vụ.

c) Báo cáo trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán hoặc kinh doanh bảo hiểm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Điều 31. Chế độ báo cáo của ngân hàng giám sát

1. Định kỳ hằng năm, ngân hàng giám sát có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo về kết quả thực hiện kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 13 Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất 03 tháng sau khi kết thúc kỳ báo cáo.

b) Kỳ báo cáo: Báo cáo kết quả giám sát quỹ hưu trí từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

c) Nội dung báo cáo: Thực hiện theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

d) Phương thức gửi và nơi nhận báo cáo: văn bản giấy và văn bản điện tử gửi đến Bộ Tài chính.

2. Trường hợp phát hiện vi phạm quy định của pháp luật hoặc vi phạm chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay bằng văn bản cho Bộ Tài chính và thông báo cho doanh nghiệp quản lý quỹ trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát hiện vi phạm, đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả trong thời hạn quy định.

3. Ngoài các trường hợp báo cáo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý có quyền yêu cầu ngân hàng giám sát báo cáo bất thường về việc giám sát quỹ hưu trí. Ngân hàng giám sát thực hiện báo cáo cơ quan quản lý trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

Chương III

DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG

Điều 32. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Là doanh nghiệp thành lập hợp pháp tại Việt Nam được phép hoạt động trong các lĩnh vực: Quản lý quỹ, bảo hiểm nhân thọ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Đối với công ty quản lý quỹ phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; tổng giá trị tài sản quản lý tại báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động năm gần nhất của công ty quản lý quỹ tối thiểu là 1.000 tỷ đồng; đang hoạt động quản lý tối thiểu 02 quỹ đại chúng, trong đó có tối thiểu 01 quỹ trái phiếu.

b) Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phải đáp ứng đủ điều kiện triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí và thực hiện quản lý quỹ hưu trí theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

2. Có dự thảo Điều lệ quỹ đối với mỗi quỹ hưu trí dự kiến thành lập đáp ứng quy định tại Điều 11 Nghị định này.

3. Có phương án kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Kế hoạch hoạt động quản lý quỹ hưu trí trong 05 năm tiếp theo bao gồm: mô tả chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung dự kiến triển khai; nguyên tắc phối hợp, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý quỹ với các tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định này trong triển khai chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung; phương án phát triển đối tượng tham gia.

b) Phương án về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để quản lý từng tài khoản hưu trí cá nhân đảm bảo thực hiện các hoạt động đóng góp, đầu tư, thanh toán chi phí, thuế, tiền phạt và chi trả các đối tượng liên quan.

c) Có mẫu hợp đồng khung về tham gia quỹ hưu trí đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này.

d) Quy trình quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.

4. Có tối thiểu 05 người lao động có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc quản lý quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm. Trong đó phải có tối thiểu 03 nhân viên nghiệp vụ có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA) hoặc các chứng chỉ chuyên môn tương đương khác ở nước ngoài.

Điều 33. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Dự thảo Điều lệ quỹ đối với mỗi quỹ hưu trí dự kiến thành lập đáp ứng quy định tại Điều 11 Nghị định này.

3. Phương án kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí:

a) Kế hoạch hoạt động quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định này.

b) Phương án về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để quản lý từng tài khoản hưu trí cá nhân đảm bảo thực hiện các hoạt động đóng góp, đầu tư, thanh toán chi phí, chi trả cho người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, thanh toán thuế thu nhập cá nhân.

c) Mẫu hợp đồng khung về tham gia quỹ hưu trí đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này.

d) Quy trình quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.

4. Tài liệu chứng minh có tối thiểu 05 người lao động đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định này, bao gồm các tài liệu cơ bản sau:

a) Bản sao hợp đồng lao động (Bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao không có chứng thực xuất trình cùng bản chính để đối chiếu).

b) Bản thông tin tóm tắt quá trình công tác của người lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (nêu rõ quá trình công tác và mô tả công việc chính được giao đối với từng vị trí công tác).

c) Bản sao các chứng chỉ theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định này.

Điều 34. Quy trình thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 33 Nghị định này đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi 01 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp phải hoàn thiện hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu. Quá thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp không hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, Bộ Tài chính có văn bản thông báo dừng việc xem xét hồ sơ.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì lấy ý kiến Bộ Nội vụ đối với các nội dung về quyền lợi, trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động theo quy định của pháp

luật lao động và quy định tại Nghị định này; tổng hợp kết quả thẩm định đề cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

5. Nội dung thẩm định hồ sơ theo các điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định này.

6. Trong thời gian hồ sơ đang được xem xét, doanh nghiệp nộp hồ sơ có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc còn thiếu hoặc thay đổi nội dung quan trọng phải có trong hồ sơ, tài liệu theo quy định pháp luật hoặc thấy cần thiết phải giải trình về vấn đề có thể gây hiểu nhầm.

7. Việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.

Điều 35. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có những nội dung cơ bản sau:

- a) Tên doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.
- b) Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.
- c) Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- d) Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.
- đ) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.
- e) Nội dung và phạm vi hoạt động.

2. Trường hợp cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thì ghi rõ số lần cấp lại hoặc số lần điều chỉnh và sử dụng số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được cấp lần đầu cho doanh nghiệp.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh là văn bản giấy, văn bản điện tử do Bộ Tài chính cấp và có giá trị tương đương nhau.

Điều 36. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp lại trong những trường hợp sau:

- a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng.

b) Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định này.

2. Quy trình, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

a) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh gồm:

Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (trừ trường hợp bị mất);

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3. Quy trình, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

Hồ sơ chứng minh doanh nghiệp tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 32 Nghị định này bao gồm các văn bản, tài liệu quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 33 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có). Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu, doanh nghiệp phải hoàn thiện hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu. Quá thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp không hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, Bộ Tài chính có văn bản thông báo dừng việc xem xét hồ sơ.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì lấy ý kiến Bộ Nội vụ để xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

Điều 37. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi các thông tin quy định tại Điều 35 Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh.

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được cấp lần gần nhất.

c) Bản sao các tài liệu chứng minh nội dung đề nghị điều chỉnh.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính lấy ý kiến Bộ Nội vụ thẩm định, xem xét hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

Điều 38. Những thay đổi phải thông báo cho Bộ Tài chính

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về một trong các nội dung sau đây, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải thông báo bằng văn bản đến Bộ Tài chính:

1. Thuộc diện tái cơ cấu hoặc kiểm soát, giám sát đặc biệt.

2. Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí.

3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm hoặc quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

4. Bị đình chỉ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 39. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau đây:

a) Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí.

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc lĩnh vực bảo hiểm.

c) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có thông tin, hồ sơ gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

d) Không hoạt động và thành lập quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung trong vòng 02 năm sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

đ) Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính từ 03 lần trở lên đối với hành vi vi phạm hành chính về kinh doanh bảo hiểm hoặc kinh doanh chứng khoán hoặc quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung mà doanh nghiệp chưa khắc phục hoặc chưa hoàn thành việc khắc phục các vi phạm; thời gian xem xét là trong vòng 02 năm liền trước tính từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm gần nhất.

e) Doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động do không khắc phục được tình trạng kiểm soát hoặc kiểm soát đặc biệt theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tự động bị hết hiệu lực đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này.

b) Đối với doanh nghiệp thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát, kiểm soát đặc biệt đối với doanh nghiệp quản lý quỹ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị tạm dừng hiệu lực. Sau thời gian khắc phục mà doanh nghiệp chưa khắc phục được tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tự động bị hết hiệu lực.

c) Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính về quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp phải chấm dứt ngay các hoạt động quản lý quỹ hưu trí kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tự động bị hết hiệu lực.

4. Trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính chỉ định một doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác tiếp nhận việc quản lý các quỹ hưu trí đang quản lý bởi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp được chỉ định phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí và đang thực hiện quản lý tối thiểu 01 quỹ hưu trí.

5. Người tham gia quỹ được lựa chọn tiếp tục tham gia quỹ hưu trí quản lý bởi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo chỉ định của Bộ Tài chính hoặc yêu cầu chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang quỹ hưu trí quản lý bởi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác.

6. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh không được nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung trong vòng 03 năm kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí**1. Quyền của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí:**

a) Xây dựng và ban hành các chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung phù hợp với yêu cầu quản lý và nhu cầu của các đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

b) Quyết định về số lượng quỹ hưu trí và chính sách đầu tư quỹ hưu trí theo quy định tại Điều lệ quỹ và các quy định tại Nghị định này.

c) Được chi trả chi phí tổ chức và hoạt động quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

d) Được thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ gồm: tổ chức lưu ký tài sản, ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có) để tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

đ) Yêu cầu người sử dụng lao động cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung và việc xây dựng, ban hành văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí:

a) Thành lập, đầu tư và quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

b) Xây dựng và ban hành Điều lệ quỹ hưu trí đối với mỗi quỹ được thành lập.

c) Lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát, tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và các tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có).

d) Quyết định việc đầu tư của quỹ hưu trí theo quy định tại Điều lệ quỹ và quy định tại Nghị định này.

đ) Thực hiện kế toán quỹ hưu trí hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán quỹ hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

e) Thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Nghị định này.

g) Chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ hưu trí quản lý bởi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và chuyển tài khoản hưu trí cá nhân đang quản lý sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác theo quy định tại Nghị định này.

h) Thực hiện công bố thông tin, hạch toán, kế toán và báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

i) Đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

k) Quản trị xung đột lợi ích giữa doanh nghiệp, cổ đông lớn, bên liên quan và người tham gia quỹ hưu trí.

l) Tạm dừng thành lập quỹ mới trong vòng 02 năm và thực hiện công bố thông tin khi có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đánh giá có vi phạm trong việc quản lý, triển khai quỹ hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí

1. Cung cấp dịch vụ theo đúng quy định tại Nghị định này, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và các hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết với doanh nghiệp sử dụng lao động, người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung và với các tổ chức cung cấp dịch vụ.

2. Thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, quyền hạn theo chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đối với doanh nghiệp sử dụng lao động và người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

3. Thực hiện công bố thông tin, hạch toán, kế toán và báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

4. Đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

5. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Thực hiện công bố thông tin khi vi phạm trong lĩnh vực quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

7. Không được cung cấp thông tin, giới thiệu, cố tình gây nhầm lẫn về bảo hiểm hưu trí bổ sung với chế độ hưu trí của Nhà nước hoặc gây nhầm lẫn với sản phẩm bảo hiểm theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

Điều 42. Trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan tới việc thiết lập, hoạt động, quản lý, đầu tư, giám sát quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

1. Cung cấp dịch vụ theo đúng quy định tại Nghị định này, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

3. Đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

4. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra, của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Thực hiện công bố thông tin khi vi phạm trong lĩnh vực quản lý quỹ hưu trí theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phổ biến chính sách, công khai thông tin và tổng hợp, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Nghị định này theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định này.

3. Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thông qua chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định này.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra doanh nghiệp quản lý quỹ, tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định này.

a) Công tác kiểm tra được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý. Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện khi phát hiện doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao. Việc kiểm tra định kỳ thực hiện 02 năm một lần đối với một doanh nghiệp.

b) Nội dung kiểm tra định kỳ bao gồm xem xét khả năng tiếp tục duy trì hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí; xem xét khả năng tiếp tục cung cấp dịch vụ liên quan đến quỹ hưu trí; việc tuân thủ đầy đủ các quy định về cung cấp dịch vụ liên quan đến quỹ hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

c) Việc kiểm tra thực hiện nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp sử dụng lao động, người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiến nghị xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

Chương V

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 44. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2026 và thay thế Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện (sau đây gọi tắt là Nghị định số 88/2016/NĐ-CP).

2. Các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP được tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đã cấp. Việc điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung đối với các doanh nghiệp này được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Các doanh nghiệp đang quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP có trách nhiệm:

a) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, báo cáo Bộ Tài chính về tình hình cung cấp dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện (bao gồm: số lượng quỹ hưu trí đang quản lý, số doanh nghiệp sử dụng lao động và số người tham gia quỹ, giá trị tài sản ròng và cơ cấu đầu tư của từng quỹ, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan...).

b) Trong vòng 06 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, cập nhật các tài liệu về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định này và công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

c) Trong vòng 12 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, điều chỉnh cơ cấu đầu tư của các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian điều chỉnh danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư của các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí được tiếp tục áp dụng quy định về đầu tư quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP và Điều lệ quỹ.

d) Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này.

4. Các cá nhân đang tham gia trực tiếp quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP được tiếp tục tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc nhận chi trả toàn bộ tài khoản hưu trí cá nhân. Việc chi trả cho các cá nhân theo quy định tại khoản này không bị áp dụng phí chi trả đột xuất.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Đức Phúc

Phụ lục I
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ
QUẢN LÝ QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG

*(Kèm theo Nghị định số 85/2026/NĐ-CP
Ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung (đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng)
Mẫu số 03	Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

Mẫu số 01

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc, Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung
(*đối với trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Nghị định/...../ND-CP ngày/...../..... của Chính phủ*)

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phần I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Mã số doanh nghiệp:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do..... (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm tại

5. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng năm

Các lĩnh vực hoạt động:

.....

Hoặc

Giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm số... do Bộ Tài chính cấp ngày... tháng ... năm...

Các nghiệp vụ bảo hiểm:

.....

6. Vốn điều lệ:

7. Vốn điều lệ thực góp:

8. Điện thoại: Fax:

9. Trang thông tin điện tử:

10. E-mail:

11. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: Giới tính:

Chức vụ:

Quốc tịch Sinh ngày:/...../.....

Số định danh cá nhân (đối với cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân), số hộ chiếu (đối với người nước ngoài không có số định danh cá nhân):.....

Bằng cấp:

Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc:

Điện thoại: E-mail:

12. 05 người lao động đáp ứng điều kiện có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc quản lý quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm

(1) Họ và tên: Giới tính:.....

Chức vụ:

Quốc tịch Sinh ngày:/...../.....

Số định danh cá nhân (đối với cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người nước ngoài đã được cấp số định danh cá nhân), số hộ chiếu (đối với người nước ngoài không có số định danh cá nhân):

Bằng cấp:

Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc:.....

Điện thoại: E-mail:

(2).....

(3).....

(4).....

(5).....

Phần II. Nội dung đề nghị và hồ sơ kèm theo

1. (Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Tài chính cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Nghị định số//ND-CP ngày//..... của Chính phủ quy định về quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

2. Hồ sơ kèm theo gồm có:

(Nêu cụ thể các thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 33 (đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) hoặc điểm a khoản 2 Điều 36 (đối với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh)

-
-
-

Phần III. Doanh nghiệp cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

2. Nếu được cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý
quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung***(đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hư hỏng)*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

1. Tên doanh nghiệp:.....
- Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):
 - Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
 - Địa chỉ trụ sở chính:.....
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số điện thoại:
- số fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động số do.....(tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung số cấp lần đầu ngày tháng năm (Điều chỉnh lần thứ ngày tháng.... năm
- Đề nghị Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung cho (tên doanh nghiệp) thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung số..... cấp ngày ... tháng... năm

2. Lý do đề nghị cấp lại:

3. Hồ sơ kèm theo gồm có:

4. Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trong đơn và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)*

Mẫu số 03**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh
dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung**

1. Tên doanh nghiệp:.....
- Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ trụ sở chính: Số điện thoại:
- số fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động số do.....(tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung số cấp lần đầu ngày tháng năm (Điều chỉnh lần thứ ngày tháng.... năm

Đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung cho..... (tên doanh nghiệp) trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung số cấp..... ngày tháng năm

2. Nội dung đề nghị điều chỉnh

(Tên doanh nghiệp) đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo các nội dung sau:

Lý do đề nghị điều chỉnh:

3. Hồ sơ kèm theo gồm có:

4. Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trong đơn và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)*

Phụ lục II
NỘI DUNG VĂN BẢN THỎA THUẬN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH
BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG TẠI DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Nghị định số 85/2026/NĐ-CP
Ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

VĂN BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG

I. CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG THAM GIA

1. Tên chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung người lao động lựa chọn tham gia.

2. Nội dung cơ bản của chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung:

Nội dung cơ bản của chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này, trong đó bao gồm các thông tin cơ bản sau:

- Đối tượng và điều kiện tham gia chương trình.

- Cam kết về mức đóng góp tối thiểu của người sử dụng lao động khi người lao động tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí được người sử dụng lao động lựa chọn.

- Điều kiện thụ hưởng, các phương án chi trả từ quỹ hưu trí.

3. Mức đóng góp, tần suất và thời gian đóng góp của người sử dụng lao động

- Mức đóng góp bằng số tiền tuyệt đối hoặc bằng tỷ lệ phần trăm trên mức tiền lương của người lao động (Mức đóng góp của người sử dụng lao động không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu đã cam kết theo quy định tại mục 2 nêu trên)

- Tần suất đóng góp hằng tháng, hoặc hai tháng một lần, hoặc ba tháng một lần, hoặc tần suất khác do người sử dụng lao động lựa chọn phù hợp với khả năng và nhu cầu của người sử dụng lao động.

- Thời gian đóng góp cụ thể do người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận, phù hợp với chương trình hưu trí bảo hiểm bổ sung mà người sử dụng lao động đã xây dựng và người lao động lựa chọn tham gia.

4. Mức đóng góp, tần suất, thời gian và phương thức đóng góp của người lao động

- Mức đóng góp bằng số tiền tuyệt đối hoặc bằng tỷ lệ phần trăm trên mức tiền lương của người lao động.

- Tần suất đóng góp hằng tháng, hoặc hai tháng một lần, hoặc ba tháng một lần, hoặc tần suất khác do người lao động lựa chọn phù hợp với khả năng và nhu cầu của người lao động.

- Thời gian đóng góp cụ thể do người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận, phù hợp với chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung mà người sử dụng lao động đã xây dựng và người lao động lựa chọn tham gia.

- Người lao động đóng góp vào quỹ hưu trí thông qua người sử dụng lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hoặc trích từ tiền lương tháng của mình để đóng vào quỹ hưu trí.

5. Các trường hợp tạm ngừng tham gia

Người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận về việc tạm ngừng tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận về việc tạm ngừng thực hiện văn bản thỏa thuận.

- Người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động.

6. Các trường hợp ngừng tham gia

Người lao động và người sử dụng lao động ngừng tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Văn bản thỏa thuận hết thời hạn mà không có thỏa thuận gia hạn hoặc ký lại văn bản thỏa thuận.

- Người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận ngừng tham gia.

- Khi người lao động đơn phương chấm dứt thực hiện văn bản thỏa thuận.

- Khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt thực hiện văn bản thỏa thuận.

- Khi hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động chấm dứt trước khi hết thời hạn của văn bản thỏa thuận.

II. CÁC NỘI DUNG NGƯỜI LAO ĐỘNG ỦY QUYỀN CHO NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Người lao động ủy quyền cho người sử dụng lao động thực hiện một số công việc sau:

1. Ký hợp đồng tham gia quỹ hưu trí với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

2. Lựa chọn các phương án đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ hưu trí.

3. Thanh toán các khoản phí, chi phí liên quan theo quy định tại điều lệ quỹ hưu trí.

4. Các công việc ủy quyền khác theo thỏa thuận phù hợp với quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật về lao động.

III. VIỆC THAY ĐỔI CÁC NỘI DUNG TẠI VĂN BẢN THỎA THUẬN

(Việc sửa đổi, bổ sung thỏa thuận cần có sự thống nhất giữa người sử dụng lao động và người lao động và phải được lập thành văn bản)

IV. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Quyền của người lao động tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này, trong đó nêu rõ các nội dung cơ bản sau:

- Quyết định việc tham gia hoặc ngừng tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Quyết định mức đóng góp, tần suất, thời gian, phương thức đóng góp của mình và việc thay đổi (nếu có) phù hợp với chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung mà người sử dụng lao động đã xây dựng và người lao động lựa chọn tham gia.

- Được hưởng toàn bộ quyền lợi đã được quy định trong chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung mà mình tham gia, nội dung nêu tại văn bản thỏa thuận và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Được thỏa thuận với người sử dụng lao động để thay đổi nội dung trong văn bản thỏa thuận hoặc yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ những nội dung đã cam kết tại văn bản thỏa thuận và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Được hưởng phần đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư từ khoản đóng góp này khi người sử dụng lao động đơn phương ngừng tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Được lựa chọn tất toán hoặc duy trì hợp đồng bảo hiểm hưu trí bổ sung trong thời gian tối đa 01 năm hoặc chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang quỹ hưu trí khác sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với người sử dụng lao động hoặc khi đến tuổi nghỉ hưu.

- Được đơn phương chấm dứt thực hiện văn bản thỏa thuận.

- Những quyền khác theo thỏa thuận với người sử dụng lao động và theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của người lao động tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này, trong đó nêu rõ các nội dung cơ bản sau:

- Thực hiện việc đóng góp đã cam kết trong văn bản thỏa thuận này.

- Thông báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 05 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi mức đóng, tần suất, thời gian và phương thức đóng góp; 03 ngày làm việc đối với trường hợp tạm ngừng hoặc ngừng thực hiện văn bản thỏa thuận.

- Những nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với người sử dụng lao động và theo quy định của pháp luật.

V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Quyền của người sử dụng lao động khi tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này, trong đó nêu rõ các nội dung cơ bản sau:

- Quyết định mức đóng, tần suất, thời gian đóng góp phần đóng góp của mình.

- Thỏa thuận với người lao động về việc thay đổi những nội dung trong văn bản thỏa thuận có liên quan đến trách nhiệm và nghĩa vụ của mình.

- Được nhận lại khoản đóng góp của mình cho người lao động và kết quả đầu tư từ khoản đóng góp này trong các trường hợp được quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và văn bản thỏa thuận.

- Đơn phương chấm dứt thực hiện văn bản thỏa thuận khi người lao động vi phạm quy định của pháp luật về chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung của doanh nghiệp.

- Những quyền khác theo thỏa thuận với người lao động và theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này, trong đó nêu rõ các nội dung cơ bản sau:

- Thực hiện đóng góp theo mức đóng, tần suất, thời gian đóng góp đã thỏa thuận.

- Tuân thủ và thực hiện các nội dung trong văn bản thỏa thuận và pháp luật quy định.

- Đóng phần tiền do người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động (nếu có).

- Tiến hành các thủ tục với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí để người lao động được hưởng hoặc chuyển tiếp việc tham gia đóng góp vào quỹ.

- Những nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với người lao động và theo quy định của pháp luật.

VI. NHỮNG NỘI DUNG THỎA THUẬN, CAM KẾT KHÁC GIỮA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Những nội dung thỏa thuận khác giữa người lao động và người sử dụng lao động không trái với quy định của pháp luật (nếu có).

VII. THỜI HẠN CỦA VĂN BẢN THỎA THUẬN

Thời hạn của văn bản thỏa thuận về việc tham gia Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung

Bắt đầu từ ngày ... và kết thúc tại ngày

(Thời điểm kết thúc tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung không vượt quá thời điểm chấm dứt của hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động)

Văn bản thỏa thuận được lập thành **03 bản**, người lao động/tập thể người lao động giữ **01 bản**, người sử dụng lao động giữ **01 bản**, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí giữ **01 bản**.

Phụ lục III
MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ
QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Kèm theo Nghị định số 85/2026/NĐ-CP
Ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Báo cáo hoạt động quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung
Mẫu số 02	Báo cáo về tài sản của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung
Mẫu số 03	Báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung
Mẫu số 04	Báo cáo về việc quản trị rủi ro và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc quản lý quỹ hưu trí
Mẫu số 05	Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra và giám sát của ngân hàng giám sát đối với doanh nghiệp quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

Mẫu số 01**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG**

Kính gửi: Bộ Tài chính

- Tên doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí:.....
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số do cấp ngày
- Kỳ báo cáo quý/năm:
- Tên, địa chỉ các tổ chức cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí (kế toán quỹ, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân) (nếu có);
- Danh sách các đại lý hưu trí.

1. Báo cáo tình hình chung

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Thay đổi so với kỳ báo cáo trước
I	Số lượng quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung đang quản lý			
II	Tổng giá trị tài sản ròng của các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung đang quản lý			
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Tổng giá trị các khoản đóng góp vào quỹ hưu trí trong kỳ</i>			
2	<i>Tổng giá trị các khoản chi trả từ quỹ hưu trí trong kỳ</i>			
3	<i>Tổng giá trị đầu tư cuối kỳ báo cáo</i>			

2. Báo cáo đối với từng quỹ hưu trí đang quản lý*(Chi tiết đối với từng quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung đang quản lý)*

- Tên quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung;
- Điều lệ quỹ số ngày; văn bản sửa đổi, bổ sung số ... ngày (nếu có); trong đó nêu cụ thể chính sách đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, tỷ trọng đầu tư vào từng loại tài sản quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số .../202.../ND-CP.
- Tên tổ chức lưu ký;
- Tên ngân hàng giám sát;

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Thay đổi so với kỳ báo cáo trước
I	Tổng số lượng người tham gia quỹ (I=1+2)			
1	Số lượng cá nhân trực tiếp tham gia quỹ (theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP)			
2	Số lượng người lao động tham gia quỹ thông qua người sử dụng lao động			
3	Số lượng doanh nghiệp tham gia quỹ			
II	Giá trị tài sản ròng của quỹ			
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Tổng giá trị các khoản đóng góp vào quỹ hưu trí trong kỳ</i>			
2	<i>Tổng giá trị các khoản chi trả từ quỹ hưu trí trong kỳ</i>			
3	<i>Tổng giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí</i>			

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Mẫu số 02**BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN CỦA QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG**
(áp dụng cho từng quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung)

Kính gửi: Bộ Tài chính

- Tên doanh nghiệp quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung:.....
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số do cấp ngày
- Kỳ báo cáo quý/năm:
- Tên quỹ hưu trí:
- Điều lệ quỹ số ngày; văn bản sửa đổi, bổ sung số ... ngày (nếu có); trong đó nêu cụ thể chính sách đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, tỷ trọng đầu tư vào từng loại tài sản quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số .../202.../ND-CP.

Đơn vị tính:....VND

TT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/cùng kỳ năm trước
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Tiền			
	Tiền gửi ngân hàng			
	Các khoản tương đương tiền			
2	Trái phiếu Chính phủ			
3	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh			
4	Trái phiếu chính quyền địa phương			
5	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			
6	Cổ phiếu niêm yết			
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
8	Các khoản phải thu			
	Lãi, cổ tức được nhận			
	Các khoản phải thu khác			
	Dự phòng phải thu khó đòi			
9	Tổng tài sản			

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG**
(áp dụng cho từng quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung)

Kính gửi: Bộ Tài chính

- Tên doanh nghiệp quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung:.....
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số do cấp ngày
- Kỳ báo cáo quý/năm:
- Tên quỹ hưu trí:
- Điều lệ quỹ số ngày; văn bản sửa đổi, bổ sung số ... ngày (nếu có);
Trong đó nêu cụ thể chính sách đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, tỷ trọng đầu tư vào từng loại tài sản quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số .../202.../NĐ-CP.

Đơn vị tính:.... VND

I. BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của quỹ
I	Tiền				
1	Tiền mặt				
2	Tiền gửi ngân hàng				
	Tổng				
II	Trái phiếu Chính phủ				
III	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh				
IV	Trái phiếu chính quyền địa phương				
V	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
1					
2					
	Tổng				
VI	Cổ phiếu niêm yết				
VII	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của quỹ
VIII	Các khoản phải thu				
1	Lãi, cổ tức được nhận				
2	Các khoản phải thu khác				
3	Dự phòng phải thu khó đòi				
	Tổng				
IX	Tổng giá trị danh mục				

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền lãi, cổ tức được nhận			
2	Các khoản thu nhập khác			
II	Chi phí			
1	Phí quản lý trả cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí			
2	Phí lưu ký trả cho tổ chức lưu ký			
3	Phí giám sát trả cho ngân hàng giám sát			
4	Chi phí dịch vụ kế toán quỹ, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và các chi phí khác mà doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan			
5	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán			
6	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ			
7	Các loại phí khác (nêu chi tiết)			
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)			
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư			
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư			
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ			
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)			

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
VI	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ			
VII	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ:			
	Trong đó			
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ			
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc nhận đóng góp của người tham gia quỹ trong kỳ			
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc chi trả cho người tham gia quỹ trong kỳ			
VIII	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ			

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

**BÁO CÁO VỀ VIỆC QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ THỰC HIỆN HỆ THỐNG
KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG VIỆC QUẢN LÝ QUỸ HỮU TRÍ**

Kính gửi: Bộ Tài chính

- Tên doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số do cấp ngày
- Kỳ báo cáo năm
- Tên, địa chỉ các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (kế toán quỹ, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân) (nếu có).

1. Tình hình chung của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí

- Được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số ... ngày...;
- Thuộc diện tái cơ cấu hoặc kiểm soát, giám sát đặc biệt;
- Khiếu nại, tố cáo, tranh chấp trong năm liên quan đến hoạt động quản lý quỹ hưu trí (nếu có);
- Các trường hợp đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ;
- Biên bản/báo cáo kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước thực hiện trong năm.

2. Tình hình của từng quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

- Thay đổi về tổ chức lưu ký;
- Thay đổi về ngân hàng giám sát;
- Thay đổi Điều lệ quỹ; trong đó, nêu cụ thể thay đổi của chính sách đầu tư của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

3. Báo cáo về tình hình thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp quản lý quỹ trong việc quản lý quỹ hưu trí

Đánh giá về tình hình thực hiện và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp quản lý quỹ trong việc quản lý quỹ hưu trí.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Mẫu số 05**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ
QUỸ TRONG VIỆC QUẢN LÝ QUỸ HỮU TRÍ**

Kính gửi: Bộ Tài chính

- Tên ngân hàng giám sát:...
- Địa chỉ:....
- Tên doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí được giám sát:...
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung số ... cấp ngày....
- Tên, địa chỉ các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí (kế toán quỹ, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân) (nếu có).
- Kỳ báo cáo năm:....

1. Về việc tuân thủ các nghĩa vụ của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí

- Đánh giá về việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định của Nghị định số .../202.../ND-CP đối với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và các tổ chức cung cấp dịch vụ về việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định số .../202.../ND-CP, điều lệ quỹ, hợp đồng tham gia quỹ hưu trí, hợp đồng cung cấp các dịch vụ liên quan;

- Các trường hợp đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ (nếu có);

- Về việc hạch toán và quản lý tách biệt tài sản của người tham gia quỹ và doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

2. Về hoạt động đầu tư

Đánh giá về việc tuân thủ chính sách đầu tư theo Điều lệ quỹ, tuân thủ quyền và trách nhiệm của các bên liên quan đối với các giao dịch của quỹ hưu trí và tài khoản hưu trí cá nhân.

3. Về việc quản lý tài khoản hưu trí cá nhân

Đánh giá việc phân bổ kết quả đầu tư, xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân.

4. Về tình hình thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp quản lý quỹ trong việc quản lý quỹ hưu trí

- Đánh giá về tình hình thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp quản lý quỹ trong việc quản lý quỹ hưu trí;

- Đánh giá về quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí;

- Đánh giá về quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư, xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân.
- Các rủi ro tiềm tàng (nếu có).

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Phụ lục IV
CÁC TIÊU CHÍ CƠ BẢN ĐỐI VỚI TÀI SẢN ĐẦU TƯ
CỦA QUỸ BẢO HIỂM HỮU TRÍ BỔ SUNG

*(Kèm theo Nghị định số 85/2026/NĐ-CP
Ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)*

1. Đối với công cụ nợ của Chính phủ: là trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc Nhà nước, công trái xây dựng Tổ quốc được phát hành bằng đồng Việt Nam tại thị trường trong nước.

2. Đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh:

- Là trái phiếu chính quyền địa phương được phát hành bởi các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật quản lý nợ công;

- Là trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh được phát hành bởi các ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của pháp luật quản lý nợ công.

3. Đối với tiền gửi ngân hàng: Là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau:

- Không phải là các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) theo quy định của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc văn bản bổ sung, sửa đổi, thay thế (nếu có).

4. Đối với trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng thương mại: Là trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng thương mại phát hành, trong đó các ngân hàng thương mại phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản như điểm 3 nêu trên.

5. Đối với cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán: Là các cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau:

- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch (ngoài trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện các sự kiện doanh nghiệp như tách/gộp cổ phiếu, chia tách/sáp nhập... dưới 30 ngày giao dịch), đình chỉ giao dịch trong vòng 03 tháng tính đến ngày xem xét lựa chọn tài sản đầu tư quỹ.

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán từ 6 tháng trở lên tính đến ngày xem xét lựa chọn tài sản đầu tư quỹ, ngoại trừ cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường thuộc Top 5 và thời gian niêm yết trên 3 tháng.

- Cổ phiếu có tỷ lệ tự do chuyển đổi (tỷ lệ free-float) lớn hơn hoặc bằng 10%.

- Cổ phiếu có tỷ lệ giá trị giao dịch trên giá trị vốn hóa điều chỉnh trung bình trong 6 tháng liền trước ngày xem xét lựa chọn tài sản đầu tư quỹ không nhỏ hơn 0,05%.

- Cổ phiếu nằm trong nhóm có giá trị vốn hóa thị trường thuộc Top 100 của Sở Giao dịch chứng khoán.

Việc tính toán các tiêu chuẩn đối với cổ phiếu trên được thực hiện định kỳ vào ngày cuối hàng quý.

6. Đối với trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán: Là các trái phiếu niêm yết được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập ngoại trừ trường hợp trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu.

7. Đối với chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán: Là chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán đã được chào bán ra công chúng theo quy định của pháp luật chứng khoán.